TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/KDTM-ST
Ngày: 27-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Văn Tâm;

2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh, thương mại thụ lý số 28/2025/TLST-KDTM ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2025/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH C (Việt Nam); địa chỉ: Thửa đất số 960, tờ bản đồ số 48, tổ 3, khu phố K, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1995; địa chỉ liên hệ: Số 636 Quốc lộ 1K, khu phố N, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 12/02/2025). Xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Q; địa chỉ: Đường K5, tổ 5, khu phố L, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 02 năm 2025, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Công ty TNHH C (Việt Nam) và Công ty TNHH Q ký Hợp đồng nguyên tắc số HĐNT-2024/060-KW-QV ngày 02/01/2024 về việc mua bán hàng hóa là gỗ các loại. Số lượng và quy cách sẽ thực hiện theo đơn đặt hàng của Công ty TNHH Q, địa điểm giao hàng tại kho của Công ty TNHH Q, việc thanh toán được thực hiện sau khi nhận hàng không quá 30 ngày.

Căn cứ vào các đơn đặt hàng qua điện thoại của Công ty TNHH Q, Công ty TNHH C (Việt Nam) đã bán hàng và xuất Hóa đơn theo quy định pháp luật cho Công ty TNHH Q, cụ thể là những hoá đơn sau:

1. Hoá đơn số 71, ngày 09 tháng 03 năm 2024 tiền hàng 369.418.968 đồng;

2. Hoá đơn số 91, ngày 23 tháng 03 năm 2024 tiền hàng 1.069.297.740 đồng;

3. Hoá đơn số 129, ngày 19 tháng 04 năm 2024 tiền hàng 190.574.532 đồng;

4. Hoá đơn số 240, ngày 17 tháng 07 năm 2024 tiền hàng 25.748.064 đồng.

Tổng tiền hàng của 04 hóa đơn trên là 1.655.039.304 đồng (đã bao gồm 8% thuế giá trị gia tăng).

Công ty TNHH Q đã thanh toán 558.473.152 đồng, số tiền hàng còn lại chưa thanh toán là 1.096.566.152 đồng.

Ngày 31/12/2024, Công ty TNHH Q gửi thư xác nhận phải trả nợ đã xác nhận còn nợ Công ty TNHH C (Việt Nam) 1.960.522.152 đồng.

Công ty TNHH C (Việt Nam) đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH Q thanh toán tiền hàng còn nợ nhưng Công ty TNHH Q lấy nhiều lý do không thanh toán. Do đó, Công ty TNHH C (Việt Nam) yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc Công ty TNHH Q phải thanh toán cho Công ty TNHH C (Việt Nam) là 1.225.218.061 đồng, trong đó:

- Nợ gốc 1.096.566.152 đồng;

- Tiền lãi chậm thanh toán là 128.651.909 đồng được tính trên mức lãi suất 1%/tháng từ thời điểm phải thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể:

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 71 ngày 09/3/2024 ((369.418.968 đồng – 200.000.000 đồng) x 1%/tháng x 12 tháng)) là 20.330.276 đồng;

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 91 ngày 23/3/2024 ((1.069.297.740 đồng – 358.473.152 đồng) x 1%/tháng x 12 tháng)) là 85.298.590 đồng;

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 129 ngày 19/4/2024 ((190.574.532 đồng x 1%/tháng x 11 tháng)) là 20.963.198 đồng;

+ Hóa đơn giá trị gia tăng số 240 ngày 17/7/2024 ((25.748.064 đồng x 1%/tháng x 08 tháng)) là 2.059.845 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, chứng cứ gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Công ty TNHH C (Việt Nam) khởi kiện Công ty TNHH Q liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty TNHH Q có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy: Hợp đồng nguyên tắc số HĐNT-2024/060-KW-QV ngày 02 tháng 01 năm 2024, hai bên tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng, không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội nên có hiệu lực. Riêng thỏa thuận tại Điều 5 của hợp đồng hai bên thỏa thuận "Tòa án kinh tế tỉnh Bình Dương giải quyết" là vi phạm pháp luật nên vô hiệu.

[4] Thực hiện hợp đồng nguyên tắc, nguyên đơn đã giao hàng hóa, xuất hóa đơn và bị đơn nhận hàng, thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn.

Tuy nhiên, bị đơn không thanh toán đầy đủ tiền hàng và hai bên đã xác nhận còn nợ là 1.096.566.152 đồng nên yêu cầu của nguyên đơn về thanh toán tiền hàng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trên số tiền nợ gốc với mức lãi là 12%/năm thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 14,88%/năm đến 16,29%/năm. Hợp đồng nguyên tắc số HĐNT-2024/060-KW-QV ngày 02 tháng 01 năm 2024, hai bên không thỏa thuận về mức lãi chậm thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".* Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228, Điều 238, Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 50, 55, 306 của Luật Thương mại.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C (Việt Nam) đối với Công ty TNHH Q về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản cụ thể như sau:

Công ty TNHH Q có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH C (Việt Nam) 1.225.218.061 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu hai trăm mười tám nghìn không trăm sáu mươi mốt đồng), trong đó:

- Nợ gốc 1.096.566.152 đồng (Một tỷ không trăm chín mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm năm mươi hai đồng);

- Tiền lãi là 128.651.909 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn chín trăm lẻ chín đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Công ty TNHH Q phải chịu án phí sơ thẩm là 48.756.541 đồng (Bốn mươi tám triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi mốt đồng).

2.2. Công ty TNHH C (Việt Nam) không phải chịu án phí sơ thẩm, được hoàn trả 24.378.000 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005005 ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THA Dân sự thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm